

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/6/2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Liêm

Ông Nguyễn Bình Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 73/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh H, sinh ngày: 15/8/1993; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố KC, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở hiện nay: Thôn NH, xã S, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Đinh Văn V, sinh ngày: 28/5/1985; Nơi cư trú: Tổ dân phố KC, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 19/3/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H trình bày:* Chị và anh Đinh Văn V tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, chung sống và được Ủy ban nhân dân phường BN, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 01 ngày 20/9/2011. Vợ chồng hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, anh V hay ghen, đánh đập chị. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ trước Tết nguyên đán cho đến nay, vợ chồng đã không còn tình cảm, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung Đinh A, sinh ngày: 20/10/2015 và Đinh N, sinh ngày: 27/10/2017. Chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.000.000

đồng/01cháu, kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Hiện nay, chị làm nông thu nhập bình quân một tháng 5.400.000 đồng.

- Về tài sản chung: Chị và anh V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Chị và anh V không nợ.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/4/2021 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Đinh Văn V trình bày:* Về quá trình tìm hiểu, kết hôn giữa anh và chị H đúng như chị H trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc tuy nhiên cũng có một số mâu thuẫn. Do anh V làm nghề biển, cả tuần mới tổ chức ăn nhậu với anh em, anh V bắt gặp chị H nhiều lần nhắn tin với người đàn ông khác nên vợ chồng xảy ra cãi vã, anh V có đánh chị H. Chị H đã đem hai con chung về nhà mẹ ruột ở Ninh Thuận sống từ trước Tết cho đến nay, anh nhiều lần nhắn tin, gọi điện khuyên nhủ, năn nỉ vợ về lại nhưng chị H chặn tất cả điện thoại, facebook của anh. Chị H yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Anh và chị H có 02 con chung đúng như chị H trình bày. Anh không đồng ý với yêu cầu của chị H về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; anh yêu cầu được nuôi cháu A, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Anh làm nghề biển, thu nhập mỗi ngày khoảng 300.000 đồng - 400.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh và chị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị không có.

* *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị H. Về quan hệ hôn nhân: Chị H được ly hôn anh V; về con chung: Giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh V cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/01cháu, kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi; về tài sản chung: Chị H và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét; về nợ chung: Chị H và anh V không có. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn”, anh V phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Cấp dưỡng nuôi con”.

* *Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* Giấy chứng nhận kết hôn số 99 ngày 20/9/2011 (bản chính); Giấy khai sinh Đinh A và Đinh N (bản sao); Sổ hộ khẩu chủ hộ Đinh Văn V (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân chị Trần Thị Thanh H (bản phô tô); Biên bản xác minh ngày 14/4/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị Thanh H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đinh Văn V. Căn cứ vào nội dung vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh V tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường BN, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 01 ngày 20/9/2011 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn; do vợ chồng không hợp tính tình, không tôn trọng, chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, anh V có hành vi bạo lực với chị H; chị H và anh V không còn chung sống với nhau một thời gian và bản thân chị H không còn tình cảm với anh V. Chị H yêu cầu được ly hôn với anh V, anh V đồng ý. Tại Biên bản xác minh ngày 14/4/2021, chính quyền địa phương cung cấp: “Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1993 và anh Đinh Văn V, sinh năm 1985 có chung sống và đăng ký kết hôn tại phường BN, thành phố R, Khánh Hòa. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn của họ là gì thì chính quyền địa phương không biết do chị H và anh V không thông báo và không hòa giải tại địa phương.” Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng anh V, chị H đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu được ly hôn với anh V là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị H.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh V có 02 con chung Đinh A, sinh ngày: 20/10/2015 và Đinh N, sinh ngày: 27/10/2017. Chị yêu cầu được nuôi hai con chung, anh V không đồng ý, anh yêu cầu được nuôi cháu A. Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Hai cháu A, N đều là nữ, còn nhỏ và hiện nay các cháu đang sống cùng với mẹ. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần tiếp tục giao hai con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi hai chung lần lượt đủ 18 tuổi. Xét: Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, yêu cầu của chị H là có căn cứ, phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị H và anh V không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị H và anh V không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí*:

Chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn”.

Anh V phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Cấp dưỡng nuôi con”.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh H được ly hôn anh Đinh Văn V.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Thanh H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung Đinh A, sinh ngày: 20/10/2015 và Đinh N, sinh ngày: 27/10/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đinh Văn V cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi hai con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

* Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thanh H và anh Đinh Văn V không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị Thanh H và anh Đinh Văn V không có nên Hội đồng xét xử không xét

5. Về án phí:

Chị Trần Thị Thanh H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001239 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R. Chị H đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Đinh Văn V phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Cấp dưỡng nuôi con”.

6. Chị Trần Thị Thanh H, anh Đinh Văn V có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. Quy định: Kể từ ngày chị Trần Thị Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Đinh Văn V không tự nguyện thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- UBND phường BN, t.p R, tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Công